



Vietnam Airlines
SÀI CẢNH VƯỜN CAO



LỊCH BAY

Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019



Đặt vé ngay:
vietnamairlines.com

Gọi ngay:
1900 1100

Like ngay:
fb/vietnamairlines

MỤC LỤC

LIÊN HỆ	3
TRANG THÔNG TIN HÀNH LÝ	4
TIÊU CHUẨN HÀNH LÝ MIỄN CƯỚC TRÊN CÁC ĐƯỜNG BAY NỘI ĐỊA	4

TIÊU CHUẨN VỀ HÀNH LÝ TRÊN ĐƯỜNG BAY QUỐC TẾ	5
SƠ ĐỒ GHẾ NGỒI	6



VIỆT NAM

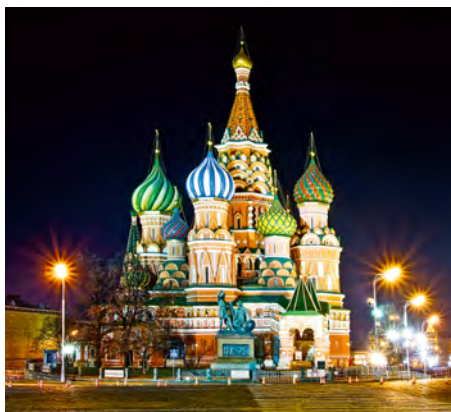
HÀ NỘI - TP. HỒ CHÍ MINH	8
HÀ NỘI - ĐÀ NẴNG	10
TP. HỒ CHÍ MINH - ĐÀ NẴNG	11
TỪ/ĐẾN - HÀ NỘI	13
TỪ/ĐẾN - TP. HỒ CHÍ MINH	16
TỪ/ĐẾN - ĐÀ NẴNG	21
NỘI ĐỊA KHÁC	21

QUỐC TẾ

CHÂU Á (QUỐC GIA/KHU VỰC)

CAMPUCHIA	22
HÀN QUỐC	24
INDONESIA	26
LÀO	27
MALAYSIA	28
MYANMAR	29
NHẬT BẢN	30
SINGAPORE	33

THÁI LAN	34
TRUNG QUỐC	35
Hồng Kông	37
Đài Loan	38



CHÂU ÂU (QUỐC GIA/KHU VỰC)

ANH	39
ĐỨC	40
NGA	41
PHÁP	42



CHÂU ÚC (QUỐC GIA/KHU VỰC)

ÚC	43
----	----



LIÊN HỆ

Tổng đài chăm sóc khách hàng:

 **1900 1100**

- Hoạt động 24/7 (bao gồm các ngày nghỉ, lễ, Tết)
- Đặt chỗ và cung cấp thông tin về sản phẩm, dịch vụ
- Trợ giúp khách mua vé trực tuyến
- Thông tin về các chương trình khuyến mại

Tổng đài chăm sóc Hội viên Bông sen vàng:

 **1900 1800**

- Hoạt động 24/7 (bao gồm các ngày nghỉ, lễ, Tết)
- Cung cấp thông tin đăng ký, chính sách nâng hạng thẻ, cộng dặm
- Lấy thưởng của Vietnam Airlines và trên các đối tác khác

*Địa chỉ liên hệ văn phòng giao dịch,
số hotline tại từng khu vực: chi tiết tại website*

 [**www.vietnamairlines.com**](http://www.vietnamairlines.com)

Liên hệ với chúng tôi:

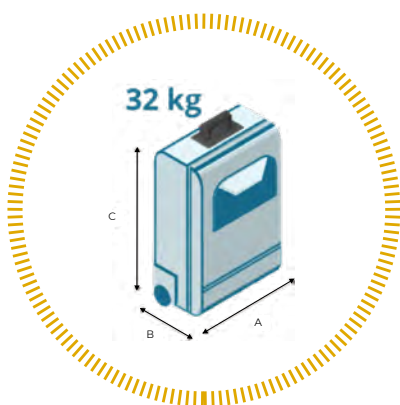
 VietnamAirlines

 VietnamAirlines

 VietnamAirlines

TRANG THÔNG TIN HÀNH LÝ

Hành lý ký gửi



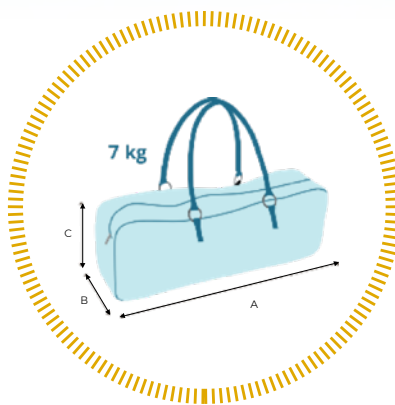
Kích thước:

(dài, rộng, cao)

$(A) + (B) + (C) < 203 \text{ cm}$

Trọng lượng không quá 32 kg

Hành lý xách tay



Tổng kích thước

(dài, rộng, cao)

không được vượt quá 115cm

(56 cm x 36 cm x 23 cm
hay 22" x 11" x 9")

Trọng lượng không quá 07 kg

TIÊU CHUẨN HÀNH LÝ MIỄN CƯỚC TRÊN CÁC ĐƯỜNG BAY NỘI ĐỊA

Khi đi trên chuyến bay của Vietnam Airlines, hành khách được hưởng tiêu chuẩn hành lý miễn cước ít nhất như sau:

HẠNG GHẾ

**Hạng thương gia /
Phổ thông đặc biệt**



30 kg hành lý ký gửi + 02
kiện hành lý xách tay

HẠNG GHẾ

Hạng phổ thông



20 kg hành lý ký gửi + 01
kiện hành lý xách tay

TIÊU CHUẨN VỀ HÀNH LÝ TRÊN ĐƯỜNG BAY QUỐC TẾ

(Dành cho cho người lớn và trẻ em từ 2 tuổi đến dưới 12 tuổi)

HÀNH TRÌNH	HẠNG VÉ	TỔNG SỐ KIỆN/ TỔNG TRỌNG LƯỢNG TỐI ĐA	TỔNG TRỌNG LƯỢNG TỐI ĐA 1 KIỆN	TỔNG KÍCH THƯỚC 3 CHIỀU TỐI ĐA 1 KIỆN
Từ/Đến Châu Mỹ	Hạng Thương gia	2 kiện	23 kg	158cm (62in)
	Hạng Phổ Thông	2 kiện	23 kg	158cm (62in)/kiện và tổng kích thước 3 chiều của 2 kiện không vượt quá 273cm (107in)
Hành trình: <i>Ciữa</i> Lào, Campuchia, My-an-ma, Trung Quốc, Đài Loan và Việt Nam <i>Ciữa</i> Lào và Campuchia (qua Việt Nam) <i>Ciữa</i> Lào và My-an-ma <i>Ciữa</i> My-an-ma và Campuchia Từ Hồng Kông, Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc đến các điểm châu Á khác (trừ Úc và Niu-Di-Lân)	Hạng Thương gia	30kg	32kg	203cm
	Hạng Phổ Thông	20kg		
Ciữa Hàn Quốc và Việt Nam	Hạng Thương gia	40kg		
	Hạng Phổ Thông	20kg		
Ciữa Nhật Bản và Việt Nam Từ Nhật Bản đi các điểm châu Á khác	Hạng Thương gia	60kg		
	Hạng Phổ Thông	40kg		
Từ/Đến Châu Âu, Trung Đông, Châu Phi, Úc, Niu-Di-Lân Các hành trình trong Châu Á khác	Hạng Thương gia	40kg		
	Hạng Phổ Thông Đặc biệt	40kg		
	Hạng Phổ thông	30kg		

Trong trường hợp hành lý của hành khách đã vượt quá trọng lượng cho phép của hành lý miễn cước, hành khách có thể mua Hành lý tính cước cho phần trọng lượng vượt quá.

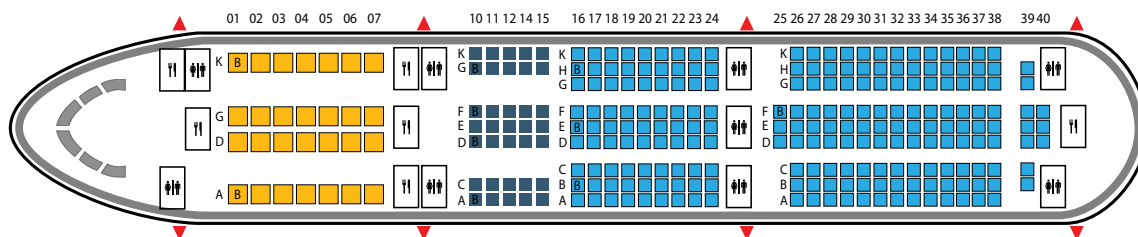
Nếu trong hành trình của hành khách bao gồm chuyến bay hợp tác giữa Vietnam Airlines và các hãng hàng không khác, trong đó hãng hàng không khác là hãng khai thác chuyến bay, chính sách hành lý miễn cước khác nhau của từng hãng sẽ được áp dụng. Hành khách vui lòng tìm hiểu thông tin về hành lý miễn cước cho mỗi chuyến bay trong hành trình trên vé của hành khách hoặc trên trang điện tử của từng hãng hàng không khai thác chuyến bay.

Các thông tin chi tiết về hành lý đặc biệt, điều kiện vận chuyển, ưu đãi dành cho Hội viên Bông sen vàng, tiêu chuẩn hành lý miễn cước trên mỗi hành trình, hành khách vui lòng tham khảo tại website: www.vietnamairlines.com

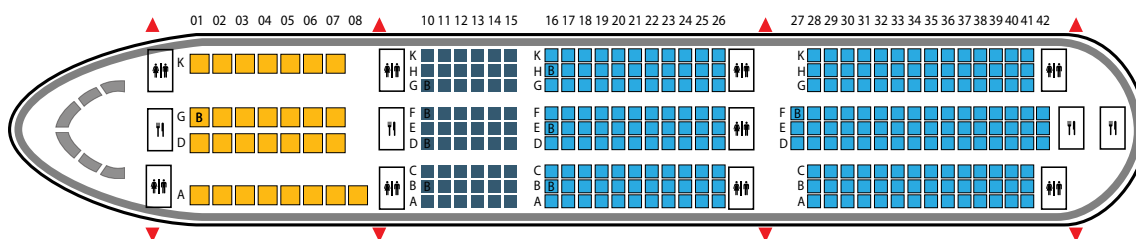
SƠ ĐỒ GHẾ NGỒI

Máy bay	Số lượng ghế	Loại hình ghế
B787	Boeing 787	274
		311
A350	Airbus 350	305
		305
A330	Airbus 330	280
A321	Airbus 321	178
		184
		203

BOEING 787 - 274 GHẾ

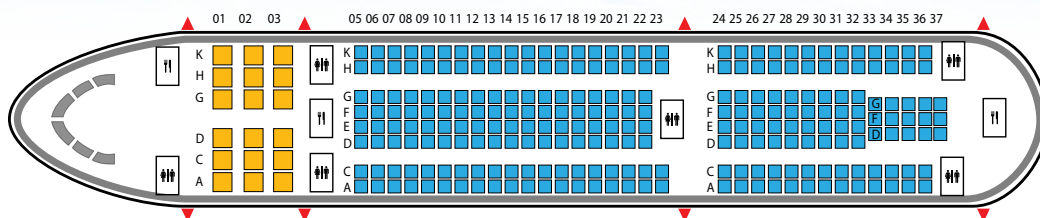


AIRBUS A350 - 305 GHẾ

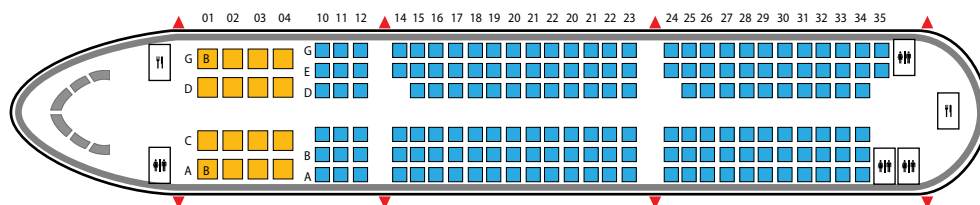


SƠ ĐỒ GHẾ NGỒI

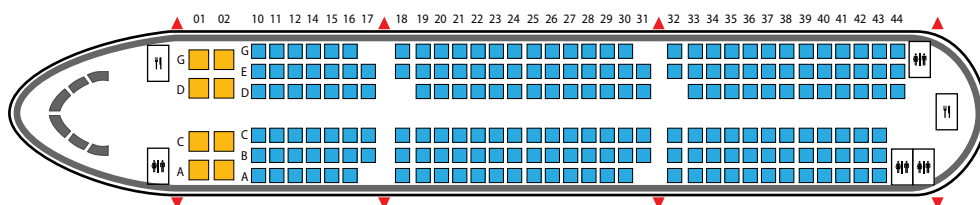
AIRBUS A330 - 269 GHẾ



AIRBUS A321 - 184 GHẾ



AIRBUS A321 - 203 GHẾ



 Ghế hạng thương gia

 Ghế hạng phổ thông đặc biệt

 Ghế hạng phổ thông



Bếp



Cửa ra vào



Phòng vệ sinh



Ghế có nôi trẻ em

LỊCH BAY

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
--------------------	--------------------	----------	--------------	-------------	--------------	----------	---------------	-----------

✈ VIỆT NAM

HÀ NỘI ↔ TP. HỒ CHÍ MINH

Từ Hà Nội đến TP. Hồ Chí Minh

VN 209	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 6:00 AM	SGN 8:10 AM	A321	CY	02:10
VN 4897 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 6:10 AM	SGN 8:15 AM	A320	Y	02:05
VN 211	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 6:30 AM	SGN 8:40 AM	A321	CY	02:10
VN 217	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 7:00 AM	SGN 9:10 AM	A321	CY	02:10
VN 219	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 7:30 AM	SGN 9:40 AM	A321	CY	02:10
VN 223	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 8:00 AM	SGN 10:10 AM	A321	CY	02:10
VN 4903 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 8:20 AM	SGN 10:30 AM	A320	Y	02:10
VN 225	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 9:00 AM	SGN 11:10 AM	A321	CY	02:10
VN 227	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 10:00 AM	SGN 12:10 PM	A321	CY	02:10
VN 229	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 10:30 AM	SGN 12:40 PM	B787	CY	02:10
VN 231	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 11:00 AM	SGN 1:15 PM	A321	CY	02:15
VN 233	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 12:00 PM	SGN 2:15 PM	A321	CY	02:15
VN 4915 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 12:00 PM	SGN 2:10 PM	A320	Y	02:10
VN 237	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 1:00 PM	SGN 3:15 PM	A321	CY	02:15
VN 4917 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 1:20 PM	SGN 3:30 PM	A320	Y	02:10
VN 239	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 2:00 PM	SGN 4:15 PM	A350	CY	02:15
VN 243	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 2:30 PM	SGN 4:45 PM	B787	CY	02:15
VN 245	31-Mar-19	31-Aug-19	1234567	HAN 2:45 PM	SGN 5:00 PM	A321	CY	02:15
VN 247	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 3:00 PM	SGN 5:15 PM	A350	CY	02:15
VN 4923 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 3:25 PM	SGN 5:35 PM	A320	Y	02:10
VN 249	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 3:30 PM	SGN 5:45 PM	A350	CY	02:15
VN 4925 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 3:45 PM	SGN 5:55 PM	A320	Y	02:10
VN 253	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 4:00 PM	SGN 6:15 PM	A350	CY	02:15
VN 257	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 4:30 PM	SGN 6:45 PM	B787	CY	02:15
VN 259	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 5:00 PM	SGN 7:15 PM	B787	CY	02:15
VN 261	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 5:30 PM	SGN 7:45 PM	A330	CY	02:15
VN 4927 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 5:35 PM	SGN 7:45 PM	A320	Y	02:10
VN 263	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 6:00 PM	SGN 8:15 PM	A350	CY	02:15
VN 267	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 6:30 PM	SGN 8:45 PM	A321	CY	02:15

[•] Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN 4003 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 6:50 PM	SGN 9:00 PM	A320	Y	02:10	
VN 269	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 7:00 PM	SGN 9:15 PM	B787	CY	02:15	
VN 277	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 7:30 PM	SGN 9:45 PM	A350	CY	02:15	
VN 4235 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	12_4_67	HAN 7:30 PM	SGN 9:40 PM	A320	Y	02:10	
VN 279	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 8:00 PM	SGN 10:15 PM	A321	CY	02:15	
VN 4239 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 8:15 PM	SGN 10:25 PM	A320	Y	02:10	
VN 285	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 9:00 PM	SGN 11:10 PM	A321	CY	02:10	
VN 287	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 9:30 PM	SGN 11:40 PM	A321	CY	02:10	
VN 4007 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 9:50 PM	SGN 12:00 AM	A320	Y	02:10	
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Hà Nội									
VN 4928 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 5:40 AM	HAN 7:45 AM	A320	Y	02:05	
VN 208	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 6:00 AM	HAN 8:05 AM	A321	CY	02:05	
VN 4894 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 6:20 AM	HAN 8:25 AM	A320	Y	02:05	
VN 212	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 6:30 AM	HAN 8:35 AM	A321	CY	02:05	
VN 4896 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 7:00 AM	HAN 9:05 AM	A320	Y	02:05	
VN 216	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 7:00 AM	HAN 9:05 AM	A350	CY	02:05	
VN 218	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 7:30 AM	HAN 9:35 AM	A321	CY	02:05	
VN 220	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 8:00 AM	HAN 10:05 AM	A321	CY	02:05	
VN 224	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 8:30 AM	HAN 10:35 AM	A321	CY	02:05	
VN 226	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 9:00 AM	HAN 11:05 AM	A321	CY	02:05	
VN 4900 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 9:20 AM	HAN 11:25 AM	A320	Y	02:05	
VN 4906 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 10:00 AM	HAN 12:05 PM	A320	Y	02:05	
VN 228	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 10:00 AM	HAN 12:10 PM	A321	CY	02:10	
VN 230	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 10:30 AM	HAN 12:40 PM	A321	CY	02:10	
VN 232	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 11:00 AM	HAN 1:10 PM	A321	CY	02:10	
VN 234	31-Mar-19	31-Aug-19	1234567	SGN 11:30 AM	HAN 1:35 PM	A321	CY	02:05	
VN 236	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 12:00 PM	HAN 2:05 PM	A321	CY	02:05	
VN 4912 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 12:40 PM	HAN 2:45 PM	A320	Y	02:05	
VN 238	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 1:00 PM	HAN 3:05 PM	A321	CY	02:05	
VN 242	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 2:00 PM	HAN 4:05 PM	B787	CY	02:05	
VN 246	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 2:30 PM	HAN 4:35 PM	A330	CY	02:05	
VN 248	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 3:00 PM	HAN 5:05 PM	A350	CY	02:05	
VN 4920 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 3:00 PM	HAN 5:05 PM	A320	Y	02:05	
VN 252	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 3:30 PM	HAN 5:35 PM	A321	CY	02:05	

● Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN 256	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 4:00 PM	HAN 6:05 PM	B787	CY	02:05	
VN 4924	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 4:10 PM	HAN 6:15 PM	A320	Y	02:05	
VN 258	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 5:00 PM	HAN 7:05 PM	A321	CY	02:05	
VN 262	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 5:30 PM	HAN 7:35 PM	A350	CY	02:05	
VN 4926	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 5:40 PM	HAN 7:45 PM	A320	Y	02:05	
VN 266	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 6:00 PM	HAN 8:05 PM	B787	CY	02:05	
VN 272	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 7:00 PM	HAN 9:05 PM	A350	CY	02:05	
VN 274	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 7:30 PM	HAN 9:35 PM	A350	CY	02:05	
VN 276	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 8:00 PM	HAN 10:10 PM	A350	CY	02:10	
VN 4238	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 8:20 PM	HAN 10:30 PM	A320	Y	02:10	
VN 280	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 8:30 PM	HAN 10:35 PM	B787	CY	02:05	
VN 284	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 9:00 PM	HAN 11:05 PM	A321	CY	02:05	
VN 286	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 9:30 PM	HAN 11:35 PM	A321	CY	02:05	
VN 4004	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 9:30 PM	HAN 11:35 PM	A320	Y	02:05	

HÀ NỘI ↔ ĐÀ NẴNG

Từ Hà Nội đến Đà Nẵng

VN 155	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 6:00 AM	DAD 7:20 AM	A321	CY	01:20	
VN 4823	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 6:30 AM	DAD 7:50 AM	A320	Y	01:20	
VN 159	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 8:00 AM	DAD 9:20 AM	A321	CY	01:20	
VN 163	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 9:00 AM	DAD 10:20 AM	A321	CY	01:20	
VN 167	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 10:00 AM	DAD 11:25 AM	A321	CY	01:25	
VN 169	31-Mar-19	31-Aug-19	1234567	HAN 11:00 AM	DAD 12:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 171	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 12:00 PM	DAD 1:25 PM	A321	CY	01:25	
VN 173	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 1:00 PM	DAD 2:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 175	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 2:00 PM	DAD 3:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 177	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 3:00 PM	DAD 4:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 4827	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 3:30 PM	DAD 4:50 PM	A320	Y	01:20	
VN 181	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 4:00 PM	DAD 5:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 183	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 5:00 PM	DAD 6:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 185	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 6:00 PM	DAD 7:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 187	31-Mar-19	31-Aug-19	1234567	HAN 6:30 PM	DAD 7:50 PM	A321	CY	01:20	
VN 189	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 7:00 PM	DAD 8:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 197	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 9:00 PM	DAD 10:20 PM	A321	CY	01:20	

• Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Từ Đà Nẵng đến Hà Nội											
VN 154	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD	6:00 AM	HAN	7:20 AM	A321	CY	01:20	
VN 158	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD	8:00 AM	HAN	9:20 AM	A321	CY	01:20	
VN 4822	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD	8:25 AM	HAN	9:45 AM	A320	Y	01:20	
VN 162	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD	9:00 AM	HAN	10:20 AM	A321	CY	01:20	
VN 166	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD	10:00 AM	HAN	11:20 AM	A321	CY	01:20	
VN 168	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD	11:00 AM	HAN	12:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 172	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD	1:00 PM	HAN	2:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 174	31-Mar-19	31-Aug-19	1234567	DAD	2:00 PM	HAN	3:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 176	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD	3:00 PM	HAN	4:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 184	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD	4:00 PM	HAN	5:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 186	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD	5:00 PM	HAN	6:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 4826	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD	5:25 PM	HAN	6:45 PM	A320	Y	01:20	
VN 188	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD	6:00 PM	HAN	7:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 190	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD	7:00 PM	HAN	8:25 PM	A321	CY	01:25	
VN 194	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD	8:00 PM	HAN	9:25 PM	A321	CY	01:25	
VN 196	31-Mar-19	31-Aug-19	1234567	DAD	8:30 PM	HAN	9:50 PM	A321	CY	01:20	
VN 198	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD	9:00 PM	HAN	10:20 PM	A321	CY	01:20	
TP. HỒ CHÍ MINH ↔ ĐÀ NẴNG											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Đà Nẵng											
VN 110	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	6:00 AM	DAD	7:20 AM	A321	CY	01:20	
VN 4854	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	6:00 AM	DAD	7:20 AM	A320	Y	01:20	
VN 4856	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	7:00 AM	DAD	8:20 AM	A320	Y	01:20	
VN 112	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	8:00 AM	DAD	9:20 AM	A321	CY	01:20	
VN 114	31-Mar-19	31-Aug-19	1234567	SGN	8:30 AM	DAD	9:50 AM	A321	CY	01:20	
VN 116	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	9:00 AM	DAD	10:20 AM	A321	CY	01:20	
VN 120	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	10:00 AM	DAD	11:20 AM	A321	CY	01:20	
VN 122	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	11:00 AM	DAD	12:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 124	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	12:00 PM	DAD	1:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 126	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	1:00 PM	DAD	2:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 128	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	2:00 PM	DAD	3:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 4868	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	2:00 PM	DAD	3:20 PM	A320	Y	01:20	
VN 130	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	3:00 PM	DAD	4:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 132	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	3:30 PM	DAD	4:50 PM	A321	CY	01:20	

● Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN 134	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 4:00 PM	DAD 5:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 136	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 5:00 PM	DAD 6:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 138	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 6:00 PM	DAD 7:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 4874	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 6:00 PM	DAD 7:20 PM	A320	Y	01:20	
VN 140	31-Mar-19	31-Aug-19	1234567	SGN 7:00 PM	DAD 8:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 142	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 8:00 PM	DAD 9:20 PM	A321	CY	01:20	
VN 7132	31-Mar-19	23-Oct-19	123__7	SGN 8:25 PM	DAD 9:45 PM	A321	CY	01:20	

Từ Đà Nẵng đến TP. Hồ Chí Minh

VN 105	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 6:00 AM	SGN 7:25 AM	A321	CY	01:25	
VN 107	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 7:00 AM	SGN 8:30 AM	A321	CY	01:30	
VN 4855	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 7:55 AM	SGN 9:20 AM	A320	Y	01:25	
VN 109	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 8:00 AM	SGN 9:25 AM	A321	CY	01:25	
VN 113	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 9:00 AM	SGN 10:25 AM	A321	CY	01:25	
VN 117	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 10:00 AM	SGN 11:25 AM	A321	CY	01:25	
VN 119	31-Mar-19	31-Aug-19	1234567	DAD 10:30 AM	SGN 12:00 PM	A321	CY	01:30	
VN 121	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 11:00 AM	SGN 12:30 PM	A321	CY	01:30	
VN 123	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 12:00 PM	SGN 1:30 PM	A321	CY	01:30	
VN 125	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 1:00 PM	SGN 2:30 PM	A321	CY	01:30	
VN 127	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 2:00 PM	SGN 3:30 PM	A321	CY	01:30	
VN 131	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 3:00 PM	SGN 4:30 PM	A321	CY	01:30	
VN 133	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 3:30 PM	SGN 5:00 PM	A321	CY	01:30	
VN 4869	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 4:00 PM	SGN 5:25 PM	A320	Y	01:25	
VN 135	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 4:00 PM	SGN 5:30 PM	A321	CY	01:30	
VN 4871	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 4:30 PM	SGN 5:55 PM	A320	Y	01:25	
VN 137	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 5:00 PM	SGN 6:30 PM	A321	CY	01:30	
VN 139	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 7:00 PM	SGN 8:25 PM	A321	CY	01:25	
VN 141	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 8:00 PM	SGN 9:25 PM	A321	CY	01:25	
VN 4875	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 8:00 PM	SGN 9:20 PM	A320	Y	01:20	
VN 143	31-Mar-19	31-Aug-19	1234567	DAD 9:00 PM	SGN 10:30 PM	A321	CY	01:30	

• Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
TỪ/ĐẾN ↔ HÀ NỘI								
Hà Nội ⇄ Buôn Ma Thuột								
Từ Hà Nội đến Buôn Ma Thuột								
VN1603	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 5:10 PM	BMV 6:55 PM	A321	CY	01:45
Từ Buôn Ma Thuột đến Hà Nội								
VN1602	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	BMV 9:35 AM	HAN 11:20 AM	A321	CY	01:45
Hà Nội ⇄ Cần Thơ								
Từ Hà Nội đến Cần Thơ								
VN1203	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 7:05 AM	VCA 9:15 AM	A321	CY	02:10
VN1205	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 11:15 AM	VCA 1:25 PM	A321	CY	02:10
VN1207	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 6:50 PM	VCA 9:00 PM	A321	CY	02:10
Từ Cần Thơ đến Hà Nội								
VN1200	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	VCA 7:00 AM	HAN 9:05 AM	A321	CY	02:05
VN1202	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	VCA 9:55 AM	HAN 12:00 PM	A321	CY	02:05
VN1204	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	VCA 2:15 PM	HAN 4:20 PM	A321	CY	02:05
Hà Nội ⇄ Chu Lai								
Từ Hà Nội đến Chu Lai								
VN1641	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 6:45 AM	VCL 8:15 AM	A321	CY	01:30
Từ Chu Lai đến Hà Nội								
VN1640	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	VCL 8:55 AM	HAN 10:20 AM	A321	CY	01:25
Hà Nội ⇄ Đà Lạt								
Từ Hà Nội đến Đà Lạt								
VN4365 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 10:20 AM	DLI 12:10 PM	A320	Y	01:50
VN1577	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 12:50 PM	DLI 2:45 PM	A321	CY	01:55
Từ Đà Lạt đến Hà Nội								
VN4364 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DLI 12:45 PM	HAN 2:35 PM	A320	Y	01:50
VN1576	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DLI 3:25 PM	HAN 5:15 PM	A321	CY	01:50

• Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Chế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Chế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Hà Nội ⇄ Huế											
Từ Hà Nội đến Huế											
VN1543	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	8:30 AM	HUI	9:45 AM	A321	CY	01:15	
VN1547	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	2:40 PM	HUI	3:55 PM	A321	CY	01:15	
VN1549	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	7:00 PM	HUI	8:15 PM	A321	CY	01:15	
Từ Huế đến Hà Nội											
VN1542	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HUI	10:25 AM	HAN	11:40 AM	A321	CY	01:15	
VN1546	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HUI	4:35 PM	HAN	5:50 PM	A321	CY	01:15	
VN1548	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HUI	8:55 PM	HAN	10:10 PM	A321	CY	01:15	
Hà Nội ⇄ Nha Trang											
Từ Hà Nội đến Nha Trang											
VN1557	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	8:45 AM	CXR	10:40 AM	A321	CY	01:55	
VN1563	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	12:00 PM	CXR	1:55 PM	A321	CY	01:55	
VN7563	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	1:55 PM	CXR	3:50 PM	A321	CY	01:55	
VN4229 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	3:30 PM	CXR	5:20 PM	A320	Y	01:50	
VN1565	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	4:10 PM	CXR	6:05 PM	A321	CY	01:55	
VN1569	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	6:15 PM	CXR	8:10 PM	A321	CY	01:55	
Từ Nha Trang đến Hà Nội											
VN7564	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CXR	6:00 AM	HAN	7:55 AM	A321	CY	01:55	
VN1552	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CXR	8:35 AM	HAN	10:30 AM	A321	CY	01:55	
VN1556	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CXR	11:20 AM	HAN	1:15 PM	A321	CY	01:55	
VN1562	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CXR	2:35 PM	HAN	4:30 PM	A321	CY	01:55	
VN4228 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CXR	5:55 PM	HAN	7:45 PM	A320	Y	01:50	
VN1564	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CXR	6:45 PM	HAN	8:40 PM	A321	CY	01:55	
Hà Nội ⇄ Phú Quốc											
Từ Hà Nội đến Phú Quốc											
VN1233	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	9:45 AM	PQC	11:55 AM	A321	CY	02:10	
VN4149 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	10:05 AM	PQC	12:15 PM	A320	Y	02:10	
VN1237	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	11:30 AM	PQC	1:40 PM	A321	CY	02:10	
VN1241	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	4:40 PM	PQC	6:50 PM	A321	CY	02:10	
Từ Phú Quốc đến Hà Nội											
VN4148 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PQC	12:50 PM	HAN	3:00 PM	A320	Y	02:10	
VN1232	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PQC	12:35 PM	HAN	2:45 PM	A321	CY	02:10	
VN1236	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PQC	2:20 PM	HAN	4:30 PM	A321	CY	02:10	
VN1240	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PQC	7:30 PM	HAN	9:40 PM	A321	CY	02:10	

[•] Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Hà Nội ⇄ Pleiku											
Từ Hà Nội đến Pleiku											
VN1613	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	1:30 PM	PXU	3:05 PM	A321	CY	01:35	
Từ Pleiku đến Hà Nội											
VN1612	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PXU	3:45 PM	HAN	5:20 PM	A321	CY	01:35	
Hà Nội ⇄ Qui Nhơn											
Từ Hà Nội đến Qui Nhơn											
VN1621	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	7:00 AM	UIH	8:35 AM	A321	CY	01:35	
VN1625	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	4:00 PM	UIH	5:35 PM	A321	CY	01:35	
Từ Qui Nhơn đến Hà Nội											
VN1620	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	UIH	9:15 AM	HAN	10:55 AM	A321	CY	01:40	
VN1624	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	UIH	6:15 PM	HAN	7:55 PM	A321	CY	01:40	
Hà Nội ⇄ Tuy Hòa											
Từ Hà Nội đến Tuy Hòa											
VN1651	31-Mar-19	25-Oct-19	1_3_5_7	HAN	11:00 AM	TBB	12:50 PM	A321	CY	01:50	
Từ Tuy Hòa đến Hà Nội											
VN1650	31-Mar-19	25-Oct-19	1_3_5_7	TBB	1:30 PM	HAN	3:15 PM	A321	CY	01:45	
Hà Nội ⇄ Vinh											
Từ Hà Nội đến Vinh											
VN 8313 [♦]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	7:00 AM	VII	8:00 AM	ATR72	Y	01:00	
VN1715	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	5:00 PM	VII	5:50 PM	A321	CY	00:50	
Từ Vinh đến Hà Nội											
VN 8312 [♦]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	VII	3:50 PM	HAN	4:50 PM	ATR72	Y	01:00	
VN1714	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	VII	6:30 PM	HAN	7:20 PM	A321	CY	00:50	

[♦] Chuyển bay hợp tác với Vietnam Air Service Company



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
TỪ/ĐẾN ↔ TP. HỒ CHÍ MINH								
TP. Hồ Chí Minh ⇄ Buôn Ma Thuột								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Buôn Ma Thuột								
VN1414	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 7:55 AM	BMV 8:55 AM	A321	CY	01:00
VN4738	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 11:05 AM	BMV 12:00 PM	A320	Y	00:55
Từ Buôn Ma Thuột đến TP. Hồ Chí Minh								
VN4739	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	BMV 12:35 PM	SGN 1:30 PM	A320	Y	00:55
VN1415	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	BMV 7:35 PM	SGN 8:35 PM	A321	CY	01:00
TP. Hồ Chí Minh ⇄ Chu Lai								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Chu Lai								
VN4772	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 8:50 AM	VCL 10:10 AM	A320	Y	01:20
VN1460	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 11:00 AM	VCL 12:20 PM	A321	CY	01:20
VN1464	01-Sep-19	26-Oct-19	1234567	SGN 6:40 PM	VCL 8:00 PM	A321	CY	01:20
Từ Chu Lai đến TP. Hồ Chí Minh								
VN4773	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	VCL 10:45 AM	SGN 12:05 PM	A320	Y	01:20
VN1461	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	VCL 1:00 PM	SGN 2:20 PM	A321	CY	01:20
VN1465	01-Sep-19	26-Oct-19	1234567	VCL 8:40 PM	SGN 10:00 PM	A321	CY	01:20
TP. Hồ Chí Minh ⇄ Đà Lạt								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Đà Lạt								
VN4394	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 7:00 AM	DLI 7:50 AM	A320	Y	00:50
VN1380	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 7:00 AM	DLI 7:50 AM	A321	CY	00:50
VN4170	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 2:50 PM	DLI 3:40 PM	A320	Y	00:50
VN8380	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 5:15 PM	DLI 6:05 PM	ATR72	Y	00:50
VN1382	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 4:00 PM	DLI 4:50 PM	A321	CY	00:50
Từ Đà Lạt đến TP. Hồ Chí Minh								
VN4395	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DLI 8:25 AM	SGN 9:15 AM	A320	Y	00:50
VN1381	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DLI 8:30 AM	SGN 9:20 AM	A321	CY	00:50
VN4171	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DLI 4:15 PM	SGN 5:05 PM	A320	Y	00:50
VN8381	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DLI 6:25 PM	SGN 7:15 PM	ATR72	Y	00:50
VN1383	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DLI 5:30 PM	SGN 6:20 PM	A321	CY	00:50

● Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines

◆ Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
TP. Hồ Chí Minh ⇄ Đồng Hới											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Đồng Hới											
VN1400	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	7:00 AM	VDH	8:35 AM	A321	CY	01:35	
VN 4072 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	6:20 PM	VDH	7:55 PM	A320	Y	01:35	
Từ Đồng Hới đến TP. Hồ Chí Minh											
VN1401	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	VDH	9:15 AM	SGN	10:50 AM	A321	CY	01:35	
VN 4073 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	VDH	8:30 PM	SGN	10:10 PM	A320	Y	01:40	
TP. Hồ Chí Minh ⇄ Hải Phòng											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Hải Phòng											
VN 4064 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	5:20 AM	HPH	7:20 AM	A320	Y	02:00	
VN1180	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	6:00 AM	HPH	8:00 AM	A321	CY	02:00	
VN1184	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	10:30 AM	HPH	12:30 PM	A321	CY	02:00	
VN1186	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	1:00 PM	HPH	3:00 PM	A321	CY	02:00	
VN1192	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	5:15 PM	HPH	7:15 PM	A321	CY	02:00	
VN 4032 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	7:00 PM	HPH	9:00 PM	A320	Y	02:00	
VN1194	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	8:00 PM	HPH	10:00 PM	A321	CY	02:00	
Từ Hải Phòng đến TP. Hồ Chí Minh											
VN1181	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HPH	6:15 AM	SGN	8:20 AM	A321	CY	02:05	
VN 4179 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HPH	7:55 AM	SGN	9:50 AM	A320	Y	01:55	
VN1183	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HPH	8:40 AM	SGN	10:45 AM	A321	CY	02:05	
VN1187	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HPH	1:10 PM	SGN	3:15 PM	A321	CY	02:05	
VN1189	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HPH	3:40 PM	SGN	5:45 PM	A321	CY	02:05	
VN1193	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HPH	7:55 PM	SGN	10:00 PM	A321	CY	02:05	
VN 4033 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HPH	9:35 PM	SGN	11:30 PM	A320	Y	01:55	
TP. Hồ Chí Minh ⇄ Huế											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Huế											
VN1370	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	6:15 AM	HUI	7:40 AM	A321	CY	01:25	
VN 4190 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	__3_5_7	SGN	6:20 AM	HUI	7:45 AM	A320	Y	01:25	
VN 4190 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	_2_4_6_	SGN	9:55 AM	HUI	11:20 AM	A320	Y	01:25	
VN1372	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	11:10 AM	HUI	12:35 PM	A321	CY	01:25	
VN1374	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	4:15 PM	HUI	5:40 PM	A321	CY	01:25	
VN1378	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	6:10 PM	HUI	7:35 PM	A321	CY	01:25	

● Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Từ Huế đến TP. Hồ Chí Minh											
VN1371	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HUI	8:20 AM	SGN	9:50 AM	A321	CY	01:30	
VN4195 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HUI	11:55 AM	SGN	1:20 PM	A320	Y	01:25	
VN1373	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HUI	1:15 PM	SGN	2:45 PM	A321	CY	01:30	
VN1375	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HUI	6:20 PM	SGN	7:50 PM	A321	CY	01:30	
VN1379	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HUI	8:15 PM	SGN	9:45 PM	A321	CY	01:30	
TP. Hồ Chí Minh ⇄ Nha Trang											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Nha Trang											
VN1340	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	6:45 AM	CXR	7:55 AM	A321	CY	01:10	
VN1344	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	9:05 AM	CXR	10:15 AM	A321	CY	01:10	
VN1346	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	12:40 PM	CXR	1:50 PM	A321	CY	01:10	
VN1358	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	6:30 PM	CXR	7:40 PM	A321	CY	01:10	
VN1352	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	4:30 PM	CXR	5:40 PM	A321	CY	01:10	
Từ Nha Trang đến TP. Hồ Chí Minh											
VN1341	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CXR	7:00 AM	SGN	8:05 AM	A321	CY	01:05	
VN1345	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CXR	10:55 AM	SGN	12:00 PM	A321	CY	01:05	
VN1347	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CXR	2:30 PM	SGN	3:35 PM	A321	CY	01:05	
VN1359	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CXR	8:20 PM	SGN	9:25 PM	A321	CY	01:05	
VN1361	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CXR	8:30 PM	SGN	9:35 PM	A321	CY	01:05	
TP. Hồ Chí Minh ⇄ Phú Quốc											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Phú Quốc											
VN4371 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	6:00 AM	PQC	7:05 AM	A320	Y	01:05	
VN1821	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	6:15 AM	PQC	7:15 AM	A321	CY	01:00	
VN1823	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	9:10 AM	PQC	10:10 AM	A321	CY	01:00	
VN4313 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	11:50 AM	PQC	12:55 PM	A320	Y	01:05	
VN1815	31-Mar-19	31-Aug-19	1234567	SGN	12:05 PM	PQC	1:05 PM	A321	CY	01:00	
VN1825	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	1:35 PM	PQC	2:35 PM	A321	CY	01:00	
VN4157 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	3:10 PM	PQC	4:15 PM	A320	Y	01:05	
VN1827	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	3:40 PM	PQC	4:40 PM	A321	CY	01:00	
VN1833	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	6:30 PM	PQC	7:30 PM	A321	CY	01:00	
VN4161 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	7:35 PM	PQC	8:40 PM	A320	Y	01:05	

[•] Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Từ Phú Quốc đến TP. Hồ Chí Minh									
VN 4370 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PQC 7:40 AM	SGN 8:45 AM	A320	Y	01:05	
VN1820	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PQC 7:55 AM	SGN 9:00 AM	A321	CY	01:05	
VN1822	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PQC 10:50 AM	SGN 11:55 AM	A321	CY	01:05	
VN 4376 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PQC 1:30 PM	SGN 2:35 PM	A320	Y	01:05	
VN1814	31-Mar-19	31-Aug-19	1234567	PQC 1:45 PM	SGN 2:50 PM	A321	CY	01:05	
VN1824	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PQC 3:15 PM	SGN 4:20 PM	A321	CY	01:05	
VN 4378 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PQC 4:50 PM	SGN 5:55 PM	A320	Y	01:05	
VN1826	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PQC 5:20 PM	SGN 6:25 PM	A321	CY	01:05	
VN1832	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PQC 8:10 PM	SGN 9:15 PM	A321	CY	01:05	
VN 4160 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PQC 9:15 PM	SGN 10:20 PM	A320	Y	01:05	
TP. Hồ Chí Minh ⇄ Pleiku									
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Pleiku									
VN 4756 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 10:30 AM	PXU 11:40 AM	A320	Y	01:10	
VN1426	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 12:35 PM	PXU 1:45 PM	A321	CY	01:10	
Từ Pleiku đến TP. Hồ Chí Minh									
VN 4757 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PXU 12:15 PM	SGN 1:25 PM	A320	Y	01:10	
VN1427	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PXU 2:25 PM	SGN 3:30 PM	A321	CY	01:05	
TP. Hồ Chí Minh ⇄ Qui Nhơn									
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Qui Nhơn									
VN1392	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 7:05 AM	UIH 8:15 AM	A321	CY	01:10	
VN1396	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 2:45 PM	UIH 3:55 PM	A321	CY	01:10	
VN 4766 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 4:00 PM	UIH 5:10 PM	A320	Y	01:10	
Từ Qui Nhơn đến TP. Hồ Chí Minh									
VN1393	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	UIH 8:55 AM	SGN 10:10 AM	A321	CY	01:15	
VN1397	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	UIH 4:35 PM	SGN 5:50 PM	A321	CY	01:15	
VN 4767 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	UIH 5:50 PM	SGN 7:00 PM	A320	Y	01:10	
TP. Hồ Chí Minh ⇄ Thanh Hóa									
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Thanh Hóa									
VN1270	01-Sep-19	26-Oct-19	1234567	SGN 6:35 AM	THD 8:30 AM	A321	CY	01:55	
VN 4804 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 6:40 AM	THD 8:40 AM	A320	Y	02:00	
VN1274	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 11:05 AM	THD 1:00 PM	A321	CY	01:55	
VN 4162 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 5:50 PM	THD 7:50 PM	A320	Y	02:00	

[•] Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Từ Thanh Hóa đến TP. Hồ Chí Minh											
VN1271	01-Sep-19	26-Oct-19	1234567	THD	9:10 AM	SGN	11:10 AM	A321	CY	02:00	
VN4805	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	THD	9:15 AM	SGN	11:15 AM	A320	Y	02:00	
VN1275	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	THD	1:40 PM	SGN	3:40 PM	A321	CY	02:00	
VN4163	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	THD	8:25 PM	SGN	10:25 PM	A320	Y	02:00	
TP. Hồ Chí Minh ⇄ Vinh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Vinh											
VN4790	31-Mar-19	26-Oct-19	_2_4_6_	SGN	6:20 AM	VII	8:10 AM	A320	Y	01:50	
VN1262	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	6:05 AM	VII	7:50 AM	A321	CY	01:45	
VN4790	31-Mar-19	26-Oct-19	1_3_5_7	SGN	10:00 AM	VII	11:50 AM	A320	Y	01:50	
VN1264	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	10:35 AM	VII	12:20 PM	A321	CY	01:45	
VN1266	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	3:30 PM	VII	5:15 PM	A321	CY	01:45	
VN1268	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	5:55 PM	VII	7:40 PM	A321	CY	01:45	
VN4322	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	7:00 PM	VII	8:50 PM	A320	Y	01:50	
Từ Vinh đến TP. Hồ Chí Minh											
VN1263	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	VII	8:30 AM	SGN	10:20 AM	A321	CY	01:50	
VN4321	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	VII	12:25 PM	SGN	2:15 PM	A320	Y	01:50	
VN1265	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	VII	1:00 PM	SGN	2:50 PM	A321	CY	01:50	
VN1267	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	VII	5:55 PM	SGN	7:45 PM	A321	CY	01:50	
VN1269	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	VII	8:20 PM	SGN	10:10 PM	A321	CY	01:50	
VN4061	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	VII	9:25 PM	SGN	11:15 PM	A320	Y	01:50	

● Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
TỪ/ĐẾN ↔ ĐÀ NẴNG								
Đà Nẵng ⇄ Buôn Ma Thuột								
Từ Đà Nẵng đến Buôn Ma Thuột								
VN1915	02-Apr-19 26-Oct-19	_2_4_6_	DAD 1:20 PM	BMV 2:20 PM	A321	CY	01:00	
Từ Buôn Ma Thuột đến Đà Nẵng								
VN1914	02-Apr-19 26-Oct-19	_2_4_6_	BMV 3:00 PM	DAD 4:00 PM	A321	CY	01:00	
Đà Nẵng ⇄ Hải Phòng								
Từ Đà Nẵng đến Hải Phòng								
VN1672	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	DAD 12:05 PM	HPH 1:20 PM	A321	CY	01:15	
Từ Hải Phòng đến Đà Nẵng								
VN1673	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	HPH 2:00 PM	DAD 3:15 PM	A321	CY	01:15	
Đà Nẵng ⇄ Nha Trang								
Từ Đà Nẵng đến Nha Trang								
VN1945	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	DAD 6:10 PM	CXR 7:20 PM	A321	CY	01:10	
Từ Nha Trang đến Đà Nẵng								
VN1944	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	CXR 7:15 AM	DAD 8:20 AM	A321	CY	01:05	
NỘI ĐỊA KHÁC								
Đà Nẵng ⇄ Cần Thơ								
Từ Đà Nẵng đến Cần Thơ								
VN1441	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	DAD 5:30 PM	VCA 7:00 PM	A321	CY	01:30	
Từ Cần Thơ đến Đà Nẵng								
VN1440	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	VCA 6:50 AM	DAD 8:20 AM	A321	CY	01:30	
TP. Hồ Chí Minh ⇄ Vân Đồn								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Vân Đồn								
VN1286	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	SGN 2:00 PM	VDO 4:05 PM	A321	CY	02:05	
Từ Vân Đồn đến TP. Hồ Chí Minh								
VN1287	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	VDO 4:45 PM	SGN 6:50 PM	A321	CY	02:05	



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
--------------------	--------------------	----------	--------------	-------------	--------------	----------	---------------	-----------

✈ QUỐC TẾ

CHÂU Á (QUỐC GIA/KHU VỰC)

CAMPUCHIA

Phnom Penh ⇄ TP. Hồ Chí Minh

Từ TP. Hồ Chí Minh đến Phnom Penh

VN 3851	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	8:30 AM	PNH	9:25 AM	ATR72	Y	00:55	
VN 3855	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	12:20 PM	PNH	1:00 PM	ATR72	Y	00:40	
VN 920	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	3:55 PM	PNH	4:50 PM	A321	CY	00:55	
VN 813/3809	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	4:20 PM	PNH	9:55 PM	A321/ATR72	CY	5:35	REP
VN 3853	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	6:30 PM	PNH	7:20 PM	ATR72	Y	00:50	

Từ Phnom Penh đến TP. Hồ Chí Minh

VN 3852	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PNH	6:50 AM	SGN	7:50 AM	ATR72	Y	01:00	
VN 921	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PNH	2:15 PM	SGN	3:05 PM	A321	CY	00:50	
VN 3802/814	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PNH	10:05 AM	SGN	10:50 PM	ATR72/A321	CY	12:45	REP
VN 3856	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PNH	4:55 PM	SGN	5:55 PM	ATR72	Y	01:00	
VN 3850	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PNH	9:10 PM	SGN	10:10 PM	ATR72	Y	01:00	

Phnom Penh ⇄ Viên Chăn

Từ Phnom Penh đến Viên Chăn

VN 920	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PNH	5:50 PM	VTE	7:10 PM	A321	CY	00:55	
--------	-----------	-----------	---------	-----	---------	-----	---------	------	----	-------	--

Xiêm Riệp ⇄ Hà Nội

Từ Hà Nội đến Xiêm Riệp

VN 931/3845	31-Mar-19	26-Oct-19	1_3456_	HAN	12:40 PM	REP	7:20 PM	A321/ATR72	CY	6:40	LPQ
VN 837	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	3:25 PM	REP	5:10 PM	A321	CY	01:45	
VN 839	31-Mar-19	05-May-19	1234567	HAN	5:25 PM	REP	7:10 PM	A321	CY	01:45	
VN 843	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	6:05 PM	REP	7:50 PM	A321	CY	01:45	

Từ Xiêm Riệp đến Hà Nội

VN 836	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	REP	6:05 PM	HAN	7:50 PM	A321	CY	01:45	
VN 838	31-Mar-19	05-May-19	1234567	REP	8:10 PM	HAN	9:55 PM	A321	CY	01:45	
VN 842	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	REP	8:45 PM	HAN	10:30 PM	A321	CY	01:45	

• Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Xiêm Riệp ⇄ Luang Prabang											
Từ Xiêm Riệp đến Luang Prabang											
VN 930	01-Apr-19	26-Oct-19	1_3456_	REP	4:55 PM	LPQ	6:25 PM	A321	CY	01:00	
Xiêm Riệp ⇄ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Xiêm Riệp											
VN 3819	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	8:20 AM	REP	9:40 AM	ATR72	Y	01:20	
VN 3825	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	12:00 PM	REP	1:15 PM	A320	Y	01:15	
VN 3821	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	4:00 PM	REP	5:20 PM	ATR72	Y	01:20	
VN 813	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	4:20 PM	REP	5:30 PM	A321	CY	01:10	
VN 815	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	7:25 PM	REP	8:35 PM	A321	CY	01:10	
Từ Xiêm Riệp đến TP. Hồ Chí Minh											
VN 3818	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	REP	9:50 AM	SGN	11:10 AM	A320	Y	01:20	
VN 3824	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	REP	1:35 PM	SGN	2:55 PM	ATR72	Y	01:20	
VN 812	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	REP	6:20 PM	SGN	7:35 PM	A321	CY	01:15	
VN 3822	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	REP	9:15 PM	SGN	10:35 PM	ATR72	Y	01:20	
VN 814	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	REP	9:35 PM	SGN	10:50 PM	A321	CY	01:15	

• Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
HÀN QUỐC								
Busan ⇄ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Busan								
VN 426	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 12:45 AM	PUS 6:30 AM	A350	CY	03:45
Từ Busan đến Hà Nội								
VN 427	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PUS 10:30 AM	HAN 1:10 PM	A350	CY	04:40
Busan ⇄ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Busan								
VN 422	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 12:00 AM	PUS 6:50 AM	A330	CY	04:50
Từ Busan đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 423	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PUS 10:00 AM	SGN 1:05 PM	A330	CY	05:05
Seoul ⇄ Đà Nẵng								
Từ Đà Nẵng đến Seoul								
VN 430	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 12:05 AM	ICN 6:40 AM	A321	CY	04:35
VN 3442	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 4:05 PM	ICN 10:20 PM	A330	C/Y	04:15
VN 3440	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 11:15 PM	ICN 5:30 AM	A330	CIY	04:15
Từ Seoul đến Đà Nẵng								
VN 431	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	ICN 11:20 AM	DAD 2:10 PM	A321	CY	04:50
VN 3443	31-Mar-19	26-Oct-19	1_34_6_	ICN 11:25 AM	DAD 2:40 PM	A330	C/Y	05:15
VN 3441	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	ICN 6:40 PM	DAD 9:45 PM	A330	CIY	05:05
Seoul ⇄ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Seoul								
VN 414	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 10:25 AM	ICN 4:35 PM	B787	CY	04:10
VN 3412	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 12:30 PM	ICN 6:45 PM	B777	CY	04:15
VN 3416	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 4:25 PM	ICN 10:40 PM	A330	C/Y	04:15
VN 3410	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 11:10 PM	ICN 5:05 AM	A330	CIY	03:55
VN 416	30-Mar-19	25-Oct-19	1234567	HAN 11:40 PM	ICN 5:50 AM +1	A350	CY	04:10
Từ Seoul đến Hà Nội								
VN 3415	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	ICN 8:10 AM	HAN 11:10 AM	B777	CY	05:00
VN 3417	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	ICN 9:40 AM	HAN 12:45 PM	A330	C/Y	05:05
VN 417	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	ICN 10:05 AM	HAN 12:30 PM	A350	CY	04:25
VN 415	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	ICN 6:05 PM	HAN 8:15 PM	B787	CY	04:10
VN 3411	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	ICN 6:40 PM	HAN 9:40 PM	A330	CIY	05:00

● Chuyến bay hợp tác với Korean Air Lines



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Seoul ⇄ Nha Trang											
Từ Nha Trang đến Seoul											
VN 3408 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1__45_7	CXR	12:50 AM	ICN	7:55 AM	B737	C/Y	05:05	
VN 440	30-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CXR	9:30 PM	ICN	4:30 AM +1	A321	CY	05:00	
Từ Seoul đến Nha Trang											
VN 441	31-Mar-19	27-Oct-19	1234567	ICN	6:20 AM	CXR	9:15 AM	A321	CY	04:55	
VN 3409 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	__34_67	ICN	8:35 PM	CXR	11:55 PM	B737	C/Y	05:20	
Seoul ⇄ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Seoul											
VN 3406 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	8:25 AM	ICN	3:15 PM	A330	C/Y	04:50	
VN 404	01-Apr-19	29-Jun-19	1234_6_	SGN	9:05 AM	ICN	4:25 PM	A321	CY	05:20	
VN 404	01-Jul-19	31-Aug-19	1234567	SGN	9:05 AM	ICN	4:25 PM	A321	CY	05:20	
VN 404	02-Sep-19	26-Oct-19	1234_6_	SGN	9:05 AM	ICN	4:25 PM	A321	CY	05:20	
VN 406	31-Mar-19	30-Jun-19	___5_7	SGN	3:20 PM	ICN	10:40 PM	A321	CY	05:20	
VN 406	01-Sep-19	25-Oct-19	___5_7	SGN	3:20 PM	ICN	10:40 PM	A321	CY	05:20	
VN 3402 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	1:55 PM	ICN	9:15 PM	A330	CY	05:20	
VN 3400 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	11:05 PM	ICN	5:55 AM	A330	CIY	04:50	
VN 408	30-Mar-19	25-Oct-19	1234567	SGN	11:35 PM	ICN	6:40 AM +1	A350	CY	05:05	
Từ Seoul đến TP. Hồ Chí Minh											
VN 3403 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	ICN	9:10 AM	SGN	12:50 PM	A330	CY	05:40	
VN 409	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	ICN	10:15 AM	SGN	1:30 PM	A350	CY	05:15	
VN 407	31-Mar-19	30-Jun-19	___5_7	ICN	11:55 PM	SGN	3:15 AM +1	A321	CY	05:10	
VN 407	01-Sep-19	25-Oct-19	___5_7	ICN	11:55 PM	SGN	3:15 AM +1	A321	CY	05:10	
VN 405	01-Apr-19	29-Jun-19	1234_6_	ICN	5:55 PM	SGN	9:05 PM	A321	CY	05:10	
VN 405	01-Jul-19	31-Aug-19	1234567	ICN	5:55 PM	SGN	9:05 PM	A321	CY	05:10	
VN 405	02-Sep-19	26-Oct-19	1234_6_	ICN	5:55 PM	SGN	9:05 PM	A321	CY	05:10	
VN 3401 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	ICN	6:10 PM	SGN	9:45 PM	A330	CIY	05:35	
VN 3407 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	ICN	7:00 PM	SGN	10:35 PM	A330	C/Y	05:35	

[•] Chuyến bay hợp tác với Korean Air Lines



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
INDONESIA											
Jakarta ⇄ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Jakarta											
VN 651/3967 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	9:05 AM	CGK	7:40 PM	A321/B738	CY	10:35	SIN
VN 631	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	9:50 AM	CGK	1:00 PM	A321	CY	03:10	
Từ Jakarta đến TP. Hồ Chí Minh											
VN 3966 [●] /656	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CGK	11:30 AM	SGN	9:35 PM	B738/A350	CY	10:05	SIN
VN 630	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CGK	1:50 PM	SGN	5:05 PM	A321	CY	03:15	

● Chuyến bay hợp tác với Garuda Indonesia



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
C-Ghế hạng thương gia; I-Chế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Chế hạng phổ thông
Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
LÀO								
Luang Prabang ⇄ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Luang Prabang								
VN 931	01-Apr-19 26-Oct-19	1_3456_	HAN 12:40 PM	LPQ 1:50 PM	A321	CY	01:10	
VN 2905 [•]	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	HAN 6:50 PM	LPQ 7:50 PM	ATR72	Y	01:00	
Từ Luang Prabang đến Hà Nội								
VN 930	01-Apr-19 26-Oct-19	1_3456_	LPQ 7:10 PM	HAN 8:10 PM	A321	CY	01:00	
Phnom Penh ⇄ Viêng Chăn								
Từ Viêng Chăn đến Phnom Penh								
VN 921	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	VTE 11:50 AM	PNH 1:15 PM	A321	CY	00:50	
Viêng Chăn ⇄ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Viêng Chăn								
VN 921	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	HAN 9:55 AM	VTE 11:05 AM	A321	CY	00:50	
VN 2897 [•]	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	HAN 4:40 PM	VTE 5:50 PM	A320	Y	01:10	
Từ Viêng Chăn đến Hà Nội								
VN 2896 [•]	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	VTE 2:40 PM	HAN 3:50 PM	A320	Y	01:10	
VN 920	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	VTE 8:00 PM	HAN 9:10 PM	A321	CY	00:55	
Xiêm Riệp ⇄ Luang Prabang								
Từ Luang Prabang đến Xiêm Riệp								
VN 931	01-Apr-19 26-Oct-19	1_3456_	LPQ 2:35 PM	REP 4:05 PM	A321	CY	01:10	

[•] Chuyến bay hợp tác với Lao Airlines



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
MALAYSIA											
Kuala Lumpur ⇄ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Kuala Lumpur											
VN 681	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	2:45 PM	KUL	7:00 PM	A321	CY	03:15	
Từ Kuala Lumpur đến Hà Nội											
VN 680	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	KUL	7:10 PM	HAN	9:25 PM	A321	CY	03:15	
Kuala Lumpur ⇄ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Kuala Lumpur											
VN 675	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	3:05 PM	KUL	6:05 PM	A321	CY	02:00	
Từ Kuala Lumpur đến TP. Hồ Chí Minh											
VN 674	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	KUL	8:00 PM	SGN	9:00 PM	A321	CY	02:00	



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
MYANMAR											
Yangon ⇄ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Yangon											
VN 957	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	4:35 PM	RGN	6:00 PM	A321	CY	01:55	
Từ Yangon đến Hà Nội											
VN 956	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	RGN	7:00 PM	HAN	9:30 PM	A321	CY	02:00	
Yangon ⇄ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Yangon											
VN 943	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	9:30 AM	RGN	11:05 AM	A321	CY	02:05	
Từ Yangon đến TP. Hồ Chí Minh											
VN 942	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	RGN	12:10 PM	SGN	3:05 PM	A321	CY	02:25	



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
C-Ghế hạng thương gia; I-Chế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Chế hạng phổ thông
Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
NHẬT BẢN								
Fukuoka ⇄ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Fukuoka								
VN 356	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 1:20 AM	FUK 7:20 AM	A321	CY	04:00
Từ Fukuoka đến Hà Nội								
VN 357	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	FUK 10:30 AM	HAN 1:10 PM	A321	CY	04:40
Fukuoka ⇄ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Fukuoka								
VN 350	31-Mar-19	24-Oct-19	1_34__7	SGN 12:05 AM	FUK 7:00 AM	A321	CY	04:55
Từ Fukuoka đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 351	31-Mar-19	24-Oct-19	1_34__7	FUK 7:55 AM	SGN 11:15 AM	A321	CY	05:20
Nagoya ⇄ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Nagoya								
VN 310/3481 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 12:20 AM	NGO 6:10 PM	A350/B76E/A320	CY	15:50 NRT
VN 346	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 12:40 AM	NGO 6:55 AM	A350	CY	04:15
Từ Nagoya đến Hà Nội								
VN 347	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	NGO 10:15 AM	HAN 1:40 PM	A350	CY	05:25
Nagoya ⇄ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Nagoya								
VN 340	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 12:05 AM	NGO 7:30 AM	A321	CY	05:25
VN 302/3481 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 6:05 AM	NGO 6:10 PM	A350/B76E/A320	CY	10:05 NRT
Từ Nagoya đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 341	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	NGO 10:00 AM	SGN 1:50 PM	A321	CY	05:50
Osaka ⇄ Đà Nẵng								
Từ Đà Nẵng đến Osaka								
VN 336	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD 12:05 AM	KIX 7:00 AM	A321	CY	04:55
Từ Osaka đến Đà Nẵng								
VN 337	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	KIX 9:30 AM	DAD 12:05 PM	A321	CY	04:35

● Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Osaka ⇄ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Osaka											
VN 330	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	12:20 AM	KIX	6:40 AM	B787	CY	04:20	
VN 4292 [■]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	1:00 PM	KIX	7:30 PM	A320	Y	04:30	
Từ Osaka đến Hà Nội											
VN 331	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	KIX	10:30 AM	HAN	1:25 PM	B787	CY	04:55	
VN 4293 [■]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	KIX	8:30 PM	HAN	10:55 PM	A320	Y	04:25	
Osaka ⇄ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Osaka											
VN 320	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	12:15 AM	KIX	7:20 AM	B787	CY	05:05	
Từ Osaka đến TP. Hồ Chí Minh											
VN 321	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	KIX	10:30 AM	SGN	1:55 PM	B787	CY	05:25	
Tokyo ⇄ Đà Nẵng											
Từ Đà Nẵng đến Tokyo											
VN 318	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	DAD	12:05 AM	NRT	7:35 AM	A321	CY	05:30	
VN 6318	21-Jul-19	31-Jul-19	1234567	DAD	12:30 AM	NRT	8:00 AM	A321	CY	05:30	
Từ Tokyo đến Đà Nẵng											
VN 6319	21-Jul-19	31-Jul-19	1234567	NRT	9:30 AM	DAD	1:15 PM	A321	CY	05:45	
VN 319	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	NRT	10:00 AM	DAD	1:45 PM	A321	CY	05:45	
Tokyo ⇄ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Tokyo											
VN 310	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	12:20 AM	NRT	7:35 AM	A350	CY	05:15	
VN 346/3480 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	12:40 AM	NRT	3:40 PM	A350/B76E/A320	CY	13:00	NGO
VN 384	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	8:10 AM	HND	3:05 PM	A350	CY	04:55	
VN 3358 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	3:05 PM	HND	10:15 PM	B789	CY	05:10	
Từ Tokyo đến Hà Nội											
VN 3359 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HND	8:55 AM	HAN	12:25 PM	B789	CY	05:30	
VN 385	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HND	4:35 PM	HAN	8:10 PM	A350	CY	05:35	
VN 311	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	NRT	10:00 AM	HAN	1:35 PM	A350	CY	05:35	

● Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways

■ Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Tokyo ⇄ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Tokyo											
VN 300	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	12:05 AM	NRT	8:00 AM	A350	CY	05:55	
VN 340/3480 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	12:05 AM	NRT	3:40 PM	A321/B76E/A320	CY	13:35	NGO
VN 302	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	6:05 AM	NRT	2:00 PM	A350	CY	05:55	
VN 3308 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	7:00 AM	NRT	3:00 PM	B763	CY	06:00	
VN 3306 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	10:40 PM	NRT	6:45 AM	B763	CY	06:05	
Từ Tokyo đến TP. Hồ Chí Minh											
VN 301	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	NRT	9:30 AM	SGN	1:30 PM	A350	CY	06:00	
VN 303	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	NRT	3:25 PM	SGN	7:25 PM	A350	CY	06:00	
VN 3307 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	NRT	4:55 PM	SGN	9:20 PM	B763	CY	06:25	
VN 3309 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	NRT	7:10 PM	SGN	11:40 PM	B763	CY	06:30	

● Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
SINGAPORE											
Singapore ⇄ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Singapore											
VN 661	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	7:35 AM	SIN	11:55 AM	A321	CY	03:20	
VN 663	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	10:30 AM	SIN	2:50 PM	A321	CY	03:20	
Từ Singapore đến Hà Nội											
VN 660	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SIN	1:05 PM	HAN	3:25 PM	A321	CY	03:20	
VN 662	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SIN	3:50 PM	HAN	6:10 PM	A321	CY	03:20	
Singapore ⇄ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Singapore											
VN 4241 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	7:10 AM	SIN	10:10 AM	A320	Y	02:00	
VN 651	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	9:05 AM	SIN	12:10 PM	A321	CY	02:05	
VN 655	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	2:20 PM	SIN	5:25 PM	A321	CY	02:05	
VN 657	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	4:20 PM	SIN	7:25 PM	A350	CY	02:05	
Từ Singapore đến TP. Hồ Chí Minh											
VN 4240 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SIN	11:00 AM	SGN	12:05 PM	A320	Y	02:05	
VN 650	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SIN	1:10 PM	SGN	2:20 PM	A321	CY	02:10	
VN 654	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SIN	6:25 PM	SGN	7:35 PM	A321	CY	02:10	
VN 656	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SIN	8:25 PM	SGN	9:35 PM	A350	CY	02:10	

[•] Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
THÁI LAN											
Bangkok ⇄ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Bangkok											
VN 611	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	8:50 AM	BKK	10:50 AM	A321	CY	02:00	
VN 615	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	12:45 PM	BKK	2:45 PM	A321	CY	02:00	
VN 619	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	4:05 PM	BKK	6:05 PM	A321	CY	02:00	
Từ Bangkok đến Hà Nội											
VN 610	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	BKK	11:55 AM	HAN	1:55 PM	A321	CY	02:00	
VN 614	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	BKK	3:55 PM	HAN	5:55 PM	A321	CY	02:00	
VN 618	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	BKK	7:05 PM	HAN	9:05 PM	A321	CY	02:00	
Bangkok ⇄ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Bangkok											
VN 601	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	8:40 AM	BKK	10:20 AM	A321	CY	01:40	
VN 605	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	11:30 AM	BKK	1:10 PM	A321	CY	01:40	
VN 4255 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	__34__7	SGN	11:50 AM	BKK	1:20 PM	A320	Y	01:30	
VN 4251 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	1:10 PM	BKK	2:40 PM	A320	Y	01:30	
VN 607	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	4:50 PM	BKK	6:30 PM	B787	CY	01:40	
Từ Bangkok đến TP. Hồ Chí Minh											
VN 600	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	BKK	11:20 AM	SGN	1:00 PM	A321	CY	01:40	
VN 4254 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	BKK	2:20 PM	SGN	4:00 PM	A320	Y	01:40	
VN 604	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	BKK	2:25 PM	SGN	4:05 PM	A321	CY	01:40	
VN 4250 [•]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	BKK	3:25 PM	SGN	5:05 PM	A320	Y	01:40	
VN 606	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	BKK	7:30 PM	SGN	9:10 PM	B787	CY	01:40	

[•] Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
TRUNG QUỐC								
Bắc Kinh ⇄ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Bắc Kinh								
VN 512	31-Mar-19	26-Oct-19	_23_567	HAN 10:10 AM	PEK 2:45 PM	B787	CY	03:35
Từ Bắc Kinh đến Hà Nội								
VN 513	31-Mar-19	26-Oct-19	_23_567	PEK 3:45 PM	HAN 6:30 PM	B787	CY	03:45
Hàng Châu ⇄ Đà Nẵng								
Từ Đà Nẵng đến Hàng Châu								
VN 550	31-Mar-19	25-Oct-19	1__45_7	DAD 4:10 PM	HGH 8:20 PM	A321	CY	03:10
Từ Hàng Châu đến Đà Nẵng								
VN 551	31-Mar-19	25-Oct-19	1__45_7	HGH 9:20 PM	DAD 11:35 PM	A321	CY	03:15
Quảng Châu ⇄ Đà Nẵng								
Từ Đà Nẵng đến Quảng Châu								
VN 548	01-Apr-19	25-Oct-19	1_3_5__	DAD 5:25 PM	CAN 8:40 PM	A321	CY	02:15
Từ Quảng Châu đến Đà Nẵng								
VN 549	01-Apr-19	25-Oct-19	1_3_5__	CAN 9:40 PM	DAD 10:50 PM	A321	CY	02:10
Quảng Châu ⇄ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Quảng Châu								
VN 3506 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 8:35 AM	CAN 11:10 AM	A319	CIY	01:35
VN 506	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 12:25 PM	CAN 3:20 PM	A321	CY	01:55
VN 4296 [■]	31-Mar-19	26-Oct-19	1_3_5_7	HAN 11:45 PM	CAN 2:25 AM	A320	Y	01:40
Từ Quảng Châu đến Hà Nội								
VN 4297 [■]	31-Mar-19	26-Oct-19	12_4_6_	CAN 3:25 AM	HAN 4:30 AM	A320	Y	02:05
VN 507	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CAN 4:20 PM	HAN 5:30 PM	A321	CY	02:10
VN 3507 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CAN 10:05 PM	HAN 11:15 PM	A319	CIY	02:10
Quảng Châu ⇄ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Quảng Châu								
VN 3500 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 8:00 AM	CAN 11:45 AM	A320	CIY	02:45
VN 502	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 10:05 AM	CAN 2:10 PM	A321	CY	03:05
VN 3504 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 11:55 AM	CAN 4:10 PM	B738	CIY	03:15
VN 3502 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 3:40 PM	CAN 7:30 PM	A321	CIY	02:50
VN 4298 [■]	31-Mar-19	26-Oct-19	_23_567	SGN 10:45 PM	CAN 2:35 AM	A320	Y	02:50

[●] Chuyến bay hợp tác với China Southern Airlines

[■] Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines


Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

 Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Từ Quảng Châu đến TP. Hồ Chí Minh											
VN 4299 	31-Mar-19	26-Oct-19	1_34_67	CAN	3:35 AM	SGN	5:20 AM	A320	Y	02:45	
VN 3505 	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CAN	8:50 AM	SGN	11:00 AM	B738	C/Y	03:10	
VN 3503 	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CAN	12:25 PM	SGN	2:25 PM	A321	CIY	03:00	
VN 503	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CAN	3:15 PM	SGN	5:05 PM	A321	CY	02:50	
VN 3501 	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CAN	8:15 PM	SGN	10:00 PM	A320	CIY	02:45	
Thành Đô ⇄ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Thành Đô											
VN 530/3534 	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	10:10 AM	CTU	1:10 AM	A350/B738	CY	14:00	PVG
VN 552	31-Mar-19	25-Oct-19	__3_5_7	HAN	11:55 AM	CTU	3:15 PM	A321	CY	02:20	
Từ Thành Đô đến Hà Nội											
VN 3535  / 531	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CTU	7:20 AM	HAN	6:25 PM	B738/A350	CY	12:05	PVG
VN 553	31-Mar-19	25-Oct-19	__3_5_7	CTU	4:15 PM	HAN	5:30 PM	A321	CY	02:15	
Thượng Hải ⇄ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Thượng Hải											
VN 530	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN	10:10 AM	PVG	2:25 PM	A350	CY	03:15	
Từ Thượng Hải đến Hà Nội											
VN 531	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PVG	3:50 PM	HAN	6:25 PM	A350	CY	03:35	
VN 3534  / 553	31-Mar-19	26-Oct-19	__3_5_7	PVG	9:30 PM	HAN	5:30 PM	B738/A321	CY	20:00	CTU
Thượng Hải ⇄ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Thượng Hải											
VN 3522 	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	2:35 AM	PVG	6:55 AM	B738	CY	03:20	
VN 522	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN	7:25 AM	PVG	12:40 PM	A350	CY	04:15	
Từ Thượng Hải đến TP. Hồ Chí Minh											
VN 523	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PVG	3:10 PM	SGN	6:25 PM	A350	CY	04:15	
VN 3523 	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	PVG	10:00 PM	SGN	1:35 AM	B738	CY	04:35	

 Chuyến bay hợp tác với China Southern Airlines

 Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines

 Chuyến bay hợp tác với China Eastern Airlines


Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

 Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Hồng Công								
Hồng Công ⇄ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Hồng Công								
VN 4270 [■]	31-Mar-19 26-Oct-19	12_4_67	HAN 9:35 AM	HKG 12:25 PM	A320	Y	01:50	
VN 592	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	HAN 10:25 AM	HKG 1:30 PM	A321	CY	02:05	
Từ Hồng Công đến Hà Nội								
VN 4271 [■]	31-Mar-19 26-Oct-19	12_4_67	HKG 1:30 PM	HAN 2:30 PM	A320	Y	02:00	
VN 593	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	HKG 2:30 PM	HAN 3:40 PM	A321	CY	02:10	
Hồng Công ⇄ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Hồng Công								
VN 3564 [●]	31-Mar-19 26-Oct-19	1_3456_	SGN 6:35 AM	HKG 10:20 AM	A330	CY	02:45	
VN 594	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	SGN 10:35 AM	HKG 2:20 PM	A321	CY	02:45	
VN 3562 [●]	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	SGN 11:25 AM	HKG 3:15 PM	A330	CY	02:50	
VN 598	31-Mar-19 24-Oct-19	_2_4_7	SGN 5:05 PM	HKG 8:50 PM	A321	CY	02:45	
VN 3560 [●]	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	SGN 7:45 PM	HKG 11:25 PM	A350	CY	02:40	
Từ Hồng Công đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 599	01-Apr-19 25-Oct-19	1_3_5_	HKG 7:55 AM	SGN 9:35 AM	A321	CY	02:40	
VN 3563 [●]	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	HKG 8:25 AM	SGN 10:20 AM	A330	CY	02:55	
VN 595	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	HKG 3:20 PM	SGN 5:00 PM	A321	CY	02:40	
VN 3561 [●]	31-Mar-19 26-Oct-19	1234567	HKG 4:50 PM	SGN 6:40 PM	A330	CY	02:50	
VN 3565 [●]	31-Mar-19 26-Oct-19	_2345_7	HKG 10:25 PM	SGN 12:05 AM	A350	CY	02:40	

● Chuyển bay hợp tác với Cathay Pacific Airways

■ Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Đài Loan								
Cao Hùng ⇄ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Cao Hùng								
VN 586	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 6:35 PM	KHH 10:00 PM	A321	CY	02:25
Từ Cao Hùng đến Hà Nội								
VN 587	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	KHH 8:40 AM	HAN 10:15 AM	A321	CY	02:35
Cao Hùng ⇄ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Cao Hùng								
VN 582	31-Mar-19	25-Oct-19	_2_5_7	SGN 9:50 AM	KHH 1:50 PM	A321	CY	03:00
VN 580	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 5:50 PM	KHH 9:50 PM	A321	CY	03:00
Từ Cao Hùng đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 581	01-Apr-19	26-Oct-19	1234567	KHH 7:30 AM	SGN 9:30 AM	A321	CY	03:00
VN 583	31-Mar-19	25-Oct-19	_2_5_7	KHH 2:50 PM	SGN 4:50 PM	A321	CY	03:00
Đài Bắc ⇄ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Đài Bắc								
VN 576	02-Apr-19	26-Oct-19	_23_56_	HAN 8:15 AM	TPE 12:05 PM	A321	CY	02:50
VN3584	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 11:35 AM	TPE 3:10 PM	A330	C/Y	02:35
VN 578	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 5:20 PM	TPE 9:10 PM	A321	CY	02:50
VN3586	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 6:40 PM	TPE 10:10 PM	B738	C/Y	02:30
Từ Đài Bắc đến Hà Nội								
VN 579	01-Apr-19	27-Oct-19	1234567	TPE 7:30 AM	HAN 9:25 AM	A321	CY	02:55
VN3585	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	TPE 8:25 AM	HAN 10:35 AM	A330	C/Y	03:10
VN 577	02-Apr-19	26-Oct-19	_23_56_	TPE 1:30 PM	HAN 3:30 PM	A321	CY	03:00
VN3587	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	TPE 3:30 PM	HAN 5:40 PM	B738	C/Y	03:10
Đài Bắc ⇄ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Đài Bắc								
VN 572	02-Apr-19	27-Oct-19	_2_4_67	SGN 2:05 AM	TPE 6:45 AM	A321	CY	03:40
VN3580	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 11:05 AM	TPE 3:20 PM	A330	C/Y	03:15
VN 570	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 4:25 PM	TPE 9:05 PM	A321	CY	03:40
VN3582	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	SGN 5:50 PM	TPE 10:05 PM	A330	C/Y	03:15
Từ Đài Bắc đến TP. Hồ Chí Minh								
VN3581	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	TPE 7:30 AM	SGN 10:05 AM	A330	C/Y	03:35
VN 571	01-Apr-19	27-Oct-19	1234567	TPE 7:45 AM	SGN 10:15 AM	A321	CY	03:30
VN3583	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	TPE 2:20 PM	SGN 4:50 PM	A330	C/Y	03:30
VN 573	01-Apr-19	26-Oct-19	1_3_56_	TPE 10:10 PM	SGN 12:40 AM +1	A321	CY	03:30

• Chuyển bay hợp tác với China Airlines



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
CHÂU ÂU (QUỐC GIA/KHU VỰC)								
ANH								
London ⇄ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến London								
VN 055	31-Mar-19	25-Oct-19	_2_45_7	HAN 1:00 AM	LHR 7:40 AM	B787	CIY	12:40
VN 019/3644	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 11:25 PM	LHR 10:30 AM +1	A350/A319	CIY	17:05 CDG
Từ London đến Hà Nội								
VN 3105/018	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	LHR 9:00 AM	HAN 6:25 AM +1	A320/A350	CIY	15:25 CDG
VN 054	31-Mar-19	25-Oct-19	_2_45_7	LHR 11:10 AM	HAN 4:50 AM +1	B787	CY	11:40
London ⇄ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến London								
VN 051	01-Apr-19	26-Oct-19	1_3_6_	SGN 12:25 AM	LHR 7:40 AM	B787	CIY	13:15
VN 011/3644	31-Mar-19	26-Oct-19	_2_4_6_	SGN 10:05 PM	LHR 10:30 AM +1	A350/A319	CIY	18:25 CDG
Từ London đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 3105/010	31-Mar-19	26-Oct-19	_3_5_7	LHR 9:00 AM	SGN 6:15 AM +1	A320/A350	CIY	15:15 CDG
VN 050	01-Apr-19	26-Oct-19	1_3_6_	LHR 11:10 AM	SGN 5:30 AM +1	B787	CIY	12:20

● Chuyến bay hợp tác với Air France



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
ĐỨC								
Frankfurt ⇄ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Frankfurt								
VN 037	30-Mar-19	25-Oct-19	1_34567	HAN 10:55 PM	FRA 6:00 AM	+1	B787	CIY 12:05
VN 019/3132	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	HAN 11:25 PM	FRA 11:25 AM	+1	A350/E90	CIY 17:00 CDG
Từ Frankfurt đến Hà Nội								
VN 3133 / 018	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	FRA 10:25 AM	HAN 6:25 AM	+1	E70/A350	CIY 14:00 CDG
VN 036	31-Mar-19	26-Oct-19	12_4567	FRA 1:55 PM	HAN 5:45 AM	+1	B787	CIY 10:50
Frankfurt ⇄ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Frankfurt								
VN 011/3132	31-Mar-19	26-Oct-19	_2_4_6_	SGN 10:05 PM	FRA 11:25 AM	+1	A350/E90	CIY 18:20 CDG
VN 031	31-Mar-19	25-Oct-19	_23_5_7	SGN 11:00 PM	FRA 6:30 AM	+1	B787	CIY 12:30
Từ Frankfurt đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 3131 / 010	31-Mar-19	26-Oct-19	_3_5_7	FRA 7:10 AM	SGN 6:15 AM	+1	E90/A350	CIY 18:05 CDG
VN 030	01-Apr-19	26-Oct-19	1_34_6_	FRA 2:35 PM	SGN 7:10 AM	+1	B787	CIY 11:35

• Chuyến bay hợp tác với Air France



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Chế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Chế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
NGA											
Moscow ⇄ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Moscow											
VN 065	02-Apr-19	30-Jun-19	_2_4_6_	HAN	11:30 AM	DME	5:00 PM	B787	CY	09:30	
VN 063	01-Jul-19	26-Oct-19	_2_4_6_	HAN	12:40 AM	SVO	6:45 AM	B787	CY	10:05	
Từ Moscow đến Hà Nội											
VN 064	02-Apr-19	30-Jun-19	_2_4_6_	DME	7:00 PM	HAN	7:55 AM +1	B787	CY	08:55	
VN 062	01-Jul-19	26-Oct-19	2 4 6	SVO	2:40 PM	HAN	4:00 AM +1	B787	CY	09:20	



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
C-Ghế hạng thương gia; I-Chế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Chế hạng phổ thông
Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
PHÁP								
Paris ⇄ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Paris								
VN 037/3133 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	1_34567	HAN 10:55 PM	CDG 11:55 AM	+1	B787/E70	CIY 17:00 FRA
VN 019	30-Mar-19	25-Oct-19	1234567	HAN 11:25 PM	CDG 7:00 AM	+1	A350	CIY 12:35
Từ Paris đến Hà Nội								
VN 3132 [●] / 036	31-Mar-19	26-Oct-19	12_4567	CDG 10:00 AM	HAN 5:45 AM	+1	E90/B787	CIY 14:45 FRA
VN 018	31-Mar-19	26-Oct-19	1234567	CDG 2:00 PM	HAN 6:25 AM	+1	A350	CIY 11:25
Paris ⇄ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Paris								
VN 2107 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	_ _ 3_5_7	SGN 9:20 AM	CDG 4:50 PM		B777	CY 12:30
VN 011	30-Mar-19	24-Oct-19	_2_4_6_	SGN 10:05 PM	CDG 6:30 AM	+1	A350	CIY 13:25
VN 031/3133 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	_23_5_7	SGN 11:00 PM	CDG 11:55 AM	+1	B787/E70	CIY 17:55 FRA
Từ Paris đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 3132 [●] / 030	31-Mar-19	26-Oct-19	1_34_6_	CDG 10:00 AM	SGN 7:10 AM	+1	E90/B787	CIY 16:10 FRA
VN 010	31-Mar-19	25-Oct-19	_ _ 3_5_7	CDG 1:10 PM	SGN 6:15 AM	+1	A350	CIY 12:05
VN 2106 [●]	31-Mar-19	26-Oct-19	_2_4_6_	CDG 1:25 PM	SGN 7:20 AM		B777	CY 12:55

● Chuyến bay hợp tác với Air France



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Chế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Chế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
CHÂU ÚC (QUỐC GIA/KHU VỰC)								
Úc								
Melbourne ⇄ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Melbourne								
VN 781	30-Mar-19 05-Apr-19	1234567	SGN 9:05 PM	MEL 9:35 AM	+1 A350	CIY	08:30	
VN 781	06-Apr-19 04-Oct-19	1234567	SGN 9:05 PM	MEL 8:35 AM	+1 A350	CIY	08:30	
VN 781	05-Oct-19 25-Oct-19	1234567	SGN 9:05 PM	MEL 9:35 AM	+1 A350	CIY	08:30	
Từ Melbourne đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 780	31-Mar-19 06-Apr-19	1234567	MEL 11:35 AM	SGN 4:20 PM	A350	CIY	08:45	
VN 780	07-Apr-19 05-Oct-19	1234567	MEL 10:35 AM	SGN 4:20 PM	A350	CIY	08:45	
VN 780	06-Oct-19 26-Oct-19	1234567	MEL 11:35 AM	SGN 4:20 PM	A350	CIY	08:45	
Sydney ⇄ Hà Nội								
Từ Hà Nội đến Sydney								
VN 787	31-Mar-19 05-Apr-19	_2__5_7	HAN 11:45 PM	SYD 1:15 PM	+1 B787	CIY	09:30	
VN 787	07-Apr-19 04-Oct-19	_2__5_7	HAN 11:45 PM	SYD 12:15 PM	+1 B787	CIY	09:30	
VN 787	06-Oct-19 25-Oct-19	_2__5_7	HAN 11:45 PM	SYD 1:15 PM	+1 B787	CIY	09:30	
Từ Sydney đến Hà Nội								
VN 786	01-Apr-19 06-Apr-19	1_3__6_	SYD 3:15 PM	HAN 9:05 PM	B787	CIY	09:50	
VN 786	08-Apr-19 05-Oct-19	1_3__6_	SYD 2:15 PM	HAN 9:05 PM	B787	CIY	09:50	
VN 786	07-Oct-19 26-Oct-19	1_3__6_	SYD 3:15 PM	HAN 9:05 PM	B787	CIY	09:50	
Sydney ⇄ TP. Hồ Chí Minh								
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Sydney								
VN 773	30-Mar-19 05-Apr-19	1234567	SGN 8:45 PM	SYD 9:15 AM	+1 B787	CIY	08:30	
VN 773	06-Apr-19 04-Oct-19	1234567	SGN 8:45 PM	SYD 8:15 AM	+1 B787	CIY	08:30	
VN 773	05-Oct-19 25-Oct-19	1234567	SGN 8:45 PM	SYD 9:15 AM	+1 B787	CIY	08:30	
Từ Sydney đến TP. Hồ Chí Minh								
VN 772	31-Mar-19 06-Apr-19	1234567	SYD 11:15 AM	SGN 3:40 PM	B787	CIY	08:25	
VN 772	07-Apr-19 05-Oct-19	1234567	SYD 10:15 AM	SGN 3:40 PM	B787	CIY	08:25	
VN 772	06-Oct-19 26-Oct-19	1234567	SYD 11:15 AM	SGN 3:40 PM	B787	CIY	08:25	



Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I-Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y-Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực: Từ 31/03/2019 đến 26/10/2019

Chi tiết tại website Vietnam Airlines: www.vietnamairlines.com

Tải App ngay >

